

DIỄN ĐÀN NGÔN NGỮ HỌC

NGHĨA CỦA CÁC TỪ: **ĐỘNG VIÊN, KHÍCH LỆ, CỒ ĐỘNG, CỒ VŨ** VŨ THỊ SAO CHI* - NGUYỄN ĐỨC TÔN**

NHẬN BÀI: 26/05/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/07/2024

1. Để có thể hiểu sâu sắc hơn nghĩa của các từ, xin giới thiệu nghĩa từ nguyên (tức nghĩa gốc đầu tiên) của từng yếu tố cấu tạo và của từng từ nêu trên như sau:

Trong tiếng Hán, CỒ có nghĩa là “Cái trống - Đánh trống - Hòa reo - Làm náo động”. CỒ ĐỘNG có nghĩa là “khua động” (Đào Duy Anh, “Hán Việt Từ điển giản yếu”). Người xưa thường dùng tiếng trống làm hiệu lệnh thúc giục người lính xung trận chiến đấu hoặc thúc giục người dân khẩn trương tham gia chữa cháy, chống lụt, bão, v.v. Như vậy, nói đầy đủ hơn thì nghĩa từ nguyên của CỒ ĐỘNG là “đánh trống và hò reo để thúc đẩy/ thúc giục (những người khác) hành động”.

CỒ VŨ có nghĩa là “vừa đánh trống vừa múa”, nghĩa bóng là “vui vẻ khuyến người ta làm”.

KHÍCH có nghĩa như KÍCH. Từ KÍCH có nghĩa là “chặn dòng nước khiến cho nó nhảy lên - Mau gấp - Cảm động - Ngôn luận quá thẳng”. KÍCH ĐỘNG có nghĩa là “kích thích làm cho cảm động”. LỆ có nghĩa “gắng sức”. KÍCH LỆ hay KHÍCH LỆ có nghĩa “kích động để khuyến cho gắng sức lên”.

Còn từ ĐỘNG VIÊN có nghĩa “nhân chiến tranh mà phải triệu tập các quân sĩ đã thoái ngũ.” (Đào Duy Anh, “Hán Việt từ điển giản yếu”).

2. Bài viết này sẽ sử dụng phương pháp phân tích thành tố để phân tích nghĩa được sử dụng hiện nay trong tiếng Việt của các động từ đã nêu dựa theo cấu trúc tham tố nghĩa của chúng.

Có thể nêu cấu trúc tham tố chung ở dạng đầy đủ của nghĩa các động từ ĐỘNG VIÊN, KHÍCH LỆ, CỒ ĐỘNG, CỒ VŨ như sau:

“CHỦ THỂ (X)/ THỨC ĐẨY/ TRẠNG THÁI TÂM LÍ - TINH THẦN (T)/ CỦA ĐỐI TƯỢNG (Y)/ BẰNG PHƯƠNG TIỆN (P)/ TRONG HOẠT ĐỘNG (H)”

Như sẽ thấy qua sự trình bày cụ thể ở phần nội dung của bài, khi hiện thực hóa thành các thành phần câu, ngoại trừ tham tố hành động “thúc đẩy (trạng thái tâm lí - tinh thần)” được biểu hiện bằng chính 4 động từ ĐỘNG VIÊN, KHÍCH LỆ, CỒ ĐỘNG, CỒ VŨ luôn luôn phải có mặt với tư cách thành phần vị ngữ của câu, các tham tố còn lại có thể xuất hiện hoặc hàm ẩn.

Như vậy, cấu trúc tham tố chung của nghĩa các động từ trên gồm có 6 tham tố. Sau đây, bài viết sẽ phân tích để chỉ ra sự giống và khác biệt về nghĩa giữa các động từ theo từng tham tố đã nêu.

1) Xét về chủ thể hành động (X)

Trước hết, xét theo chủ thể X của hành động được biểu thị bằng các động từ (gọi tắt là “chủ thể của động từ”), đáng chú ý là chủ thể của hai động từ CỒ VŨ và KHÍCH LỆ rộng hơn chủ thể của các động từ còn lại. Cụ thể là, chủ thể X của các động từ CỒ VŨ và KHÍCH LỆ ngoài khả năng có thể là người (cá nhân hoặc tổ chức, đoàn thể) như chủ thể của các động từ ĐỘNG VIÊN, CỒ ĐỘNG, thì còn có thể là sự việc, hành động có ý nghĩa tích cực. Ví dụ:

- “Thầy hiệu trưởng ĐỘNG VIÊN/ KHÍCH LỆ/ CỒ VŨ các em học sinh tham gia cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia”.

- “Thiếu nhi đi CỒ ĐỘNG cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.”

- “Chiến thắng ngoài mặt trận đã có sức CỒ VŨ/ KHÍCH LỆ rất lớn đối với hậu phương”.

[Không thể nói: *“Chiến thắng ngoài mặt trận đã có sức CỒ ĐỘNG/ ĐỘNG VIÊN rất lớn đối với hậu phương”].

2. Xét về trạng thái tâm lí - tinh thần (T)

*TS; Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam; Email: saochi1210@gmail.com

**GS.TS; Viện Ngôn ngữ học; Email: ductontbt@gmail.com

Trạng thái tâm lý - tinh thần (T) có thể ở 3 mức xuất phát điểm của hành động: bình thường, trên bình thường và dưới bình thường.

Khác với 3 động từ CỒ ĐỘNG/ KHÍCH LỆ/ CỒ VỮ thường xuất hiện trong hoàn cảnh trạng thái tâm lý - tinh thần xuất phát điểm của đối tượng được động viên ở mức bình thường trở lên, động từ ĐỘNG VIÊN thường hay xuất hiện trong hoàn cảnh trạng thái tâm lý - tinh thần xuất phát điểm này của đối tượng được động viên ở dưới mức bình thường. Người ta ĐỘNG VIÊN đối tượng để phần khởi vươn lên mà tích cực hoạt động, ví dụ:

“CỒ ĐỘNG toàn dân tham gia bầu cử”; “KHÍCH LỆ/ CỒ VỮ lòng yêu nước”; “Khán giả đánh trống, hò reo KHÍCH LỆ/ CỒ VỮ khi cầu thủ đội nhà vừa ghi thêm một bàn thắng”.

Song chỉ nói: “Bị thất bại trong trận tứ kết, huấn luyện viên ĐỘNG VIÊN các cầu thủ vẫn còn cơ hội tranh giải Huy chương đồng” mà hầu như không nói:

*“Bị thất bại trong trận tứ kết, huấn luyện viên CỒ ĐỘNG/CỒ VỮ/KHÍCH LỆ các cầu thủ vẫn còn cơ hội tranh giải Huy chương đồng”.

3) Xét về đối tượng tác động Y của các hành động

Đối tượng Y là con người chịu/ tiếp nhận hành động tác động đến tâm lý - tinh thần chứ không phải qua thân thể, nghĩa là các động từ đang được nói đến biểu thị các hành động TÁC ĐỘNG TÂM LÝ - TINH THẦN trong tiếng Việt chứ không phải tác động vật lý đến thân thể.

Khi các hành động này tác động đến con người Y thì Y có hai trường hợp xét về số lượng:

a) Đối tượng chịu tác động (Y1) không phân biệt số lượng, nghĩa là Y1 có thể là số ít (chỉ một cá nhân) hoặc số đông người, gồm các động từ: ĐỘNG VIÊN, KHÍCH LỆ, CỒ VỮ, ví dụ:

“Nhà trường ĐỘNG VIÊN/ KHÍCH LỆ/ CỒ VỮ em Nguyễn Văn Ba/ các em học sinh trong đội tuyển thi học sinh giỏi toàn quốc”.

b) Đối tượng chịu tác động (Y2) luôn luôn là số đông người: CỒ ĐỘNG, ví dụ:

“CỒ ĐỘNG toàn dân tham gia bầu cử”. “CỒ ĐỘNG phong trào Thi đua Quyết thắng trong toàn quân”.

Như trên đã nêu, Y có thể có mặt trong câu hoặc hàm ẩn khi cấu trúc tham tố nghĩa của động từ được hiện thực hóa thành các thành phần câu. Ví dụ:

“CỒ ĐỘNG toàn dân tham gia bầu cử” và “CỒ ĐỘNG bầu cử”, hay “CỒ VỮ đội tuyển bóng đá quốc gia” và “CỒ VỮ bóng đá”; “Bài thơ KHÍCH LỆ tinh thần yêu nước”.

4) Xét về phương tiện tác động (P)

Có thể có hai trường hợp sau:

- P1 là các phương tiện gây náo động và rầm rộ để tác động mạnh đến các giác quan, nhất là thính giác và thị giác, như: đánh trống, hò reo, đi thành đoàn hô khẩu hiệu, rải tờ rơi, tranh ảnh, áp phích, sách, báo, khẩu hiệu, biểu ngữ, thơ ca, hò vè, điện ảnh, hội chợ, hội thi, triển lãm..., gồm các động từ: CỒ ĐỘNG, CỒ VỮ, ví dụ:

“Tranh CỒ ĐỘNG”. “Trống CỒ ĐỘNG”. “Học sinh xếp hàng đi quanh xã hô khẩu hiệu CỒ ĐỘNG nhân dân tham gia bầu cử”. “Người hâm mộ mang trống, kèn và băng rôn vào sân vận động CỒ VỮ các cầu thủ”.

Riêng CỒ VỮ và KHÍCH LỆ có khi không cần phương tiện tác động vì tự bản thân sự việc hay hành động nào đó có thể có sức CỒ VỮ/ KHÍCH LỆ hoặc mang ý nghĩa CỒ VỮ/ KHÍCH LỆ trực tiếp... Ví dụ:

“CHIẾN THẮNG ngoài mặt trận đã có sự CỒ VỮ/ KHÍCH LỆ rất lớn lao đối với hậu phương”; “Cũng như mọi nơi khác, ở đây việc thi đua yêu nước CỒ VỮ lòng hăng hái của mọi người” (Hồ Chí Minh).

- P2 là lời nói (có thể kèm theo cử chỉ hoặc vật chất), gồm các động từ: ĐỘNG VIÊN, KHÍCH LỆ, ví dụ:

“Lời khen đã KHÍCH LỆ mọi người”; “Hội phụ huynh có quà để ĐỘNG VIÊN các em học sinh trong đội tuyển”; “Những lời ĐỘNG VIÊN nhau làm tròn nhiệm vụ”; “Bà mẹ vỗ về, an ủi, ĐỘNG VIÊN đứa con tàn tật không nản chí, quyết tâm học tập”.

5) Xét về hoạt động hướng đến (H)

Hoạt động hướng đến (H) của các hành động được biểu thị bằng 4 động từ ĐỘNG VIÊN/ KHÍCH LỆ/ CỔ VŨ/ CỔ ĐỘNG (trong suy nghĩ, đánh giá của chủ thể X) luôn có ý nghĩa tích cực. Sách “Sổ tay dùng từ tiếng Việt” cho rằng: *“CỔ VŨ thường được dùng để nói về việc tốt đẹp, trong khi CỔ ĐỘNG có thể dùng để nói việc xấu. Ví dụ: “Trò hề CỔ ĐỘNG bầu cử của chính quyền ngay”.* Thực ra, sắc thái nghĩa xấu này là do ảnh hưởng bởi ngữ cảnh hoặc do cái nhìn khác của người ngoài cuộc, không phải là suy nghĩ, đánh giá của chủ thể hành động CỔ ĐỘNG. Người ta vẫn có thể nói: *“Những kẻ mê tín dị đoan vẫn hay CỔ CŨ cho những trò mê tín”*; đối với người ngoài cuộc thì có thể cho rằng hoạt động mê tín dị đoan là xấu, nhưng đối với những người CỔ VŨ cho hoạt động mê tín dị đoan thì luôn cho rằng hoạt động tâm linh này là đúng, là linh thiêng.

Nghĩa của các động từ nói trên có thể khu biệt nhau theo tham tố hoạt động (H) này. Có thể có hai loại:

H1: Hoạt động mới, sắp xảy ra: CỔ ĐỘNG, ví dụ: *“CỔ ĐỘNG toàn dân tham gia bầu cử Quốc hội sẽ được tổ chức vào ngày chủ nhật tháng 5”.*

H2: Hoạt động đã có hoặc đang diễn ra: CỔ VŨ, ĐỘNG VIÊN, KHÍCH LỆ, ví dụ: *“ĐỘNG VIÊN các em vượt khó vươn lên trong học tập”. “Bài thơ KHÍCH LỆ lòng yêu nước”. “Khán giả đang reo hò CỔ VŨ các cầu thủ”.*

Nghĩa của các động từ còn khu biệt với nhau bởi tham tố Hoạt động (H) theo quy mô, lĩnh vực hoạt động. CỔ ĐỘNG thường dùng cho hoạt động chính trị - xã hội có quy mô rộng lớn, CỔ VŨ thường dùng cho hoạt động mang tính thi đấu, các động từ còn lại được dùng cho những hoạt động khác, ví dụ:

“CỔ ĐỘNG bầu cử hội đồng nhân dân các cấp”; “CỔ VŨ bóng đá”; “CỔ VŨ các em học sinh thi “Đường lên đỉnh Olympia”; “Lời khen đã KHÍCH LỆ mọi người lao động hăng say”; “ĐỘNG VIÊN nhau vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ”.

3. Từ sự phân tích thành tố nghĩa được trình bày trên đây, có thể tổng hợp, giải nghĩa các động từ như sau:

Nghĩa chung của bốn động từ trên là “Tác động tâm lí - tinh thần nhằm làm cho vượt lên trạng thái tâm lí - tinh thần hiện có mà thêm phấn khởi, hăng hái hơn khi tham gia hoạt động nhất định.

ĐỘNG VIÊN

(Nói về người) tác động đến (một hoặc nhiều người) bằng lời nói (có thể kèm theo cử chỉ hoặc vật chất) nhằm làm cho đang ở trạng thái tâm lí - tinh thần dưới mức bình thường trở nên phấn khởi vươn lên mà tích cực hoạt động, ví dụ: *“Thầy hiệu trưởng ĐỘNG VIÊN các em học sinh nghèo vượt khó trong học tập”; “Lời khen ĐỘNG VIÊN khiến không ai còn thấy bi quan”; “Bị thất bại trong trận tứ kết, huấn luyện viên ĐỘNG VIÊN các cầu thủ vẫn còn cơ hội tranh giải Huy chương đồng”; “Luôn ĐỘNG VIÊN nhau vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ”.*

KHÍCH LỆ

(Nói về người hoặc sự việc, hành động có ý nghĩa tích cực) tác động tâm lí - tinh thần đến (một hoặc nhiều người) bằng lời nói nhằm làm cho phấn chấn mà gắng sức, hăng hái thêm lên, ví dụ: *“Thầy hiệu trưởng KHÍCH LỆ em Nguyễn Văn Ba tham gia cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia”; “KHÍCH LỆ lòng yêu nước/ tinh thần hăng say học tập”; “Lời khen đã KHÍCH LỆ mọi người”.*

CỔ ĐỘNG

(Nói về người) tác động tinh thần đến số đông người bằng các phương tiện gây náo động, rầm rộ nhằm thúc giục, lôi cuốn tham gia tích cực hoạt động chính trị - xã hội sắp xảy ra, ví dụ: *“Tranh/ trống CỔ ĐỘNG”; “Truyền đơn CỔ ĐỘNG”; “CỔ ĐỘNG rầm rộ”; “Đoàn thiếu nhi đi CỔ ĐỘNG bầu cử hội đồng nhân dân xã hô khẩu hiệu nghe văng vẳng lúc gần lúc xa” (Đào Vũ); “Thơ ca CỔ*

ĐỘNG của thời đại khuyến nhủ người dân Việt Nam phải biết tự trọng, phải có ý thức làm chủ đất nước" (Đăng Thai Mai).

CỔ VŨ

(Nói về người hoặc sự việc, hành động có ý nghĩa tích cực) tác động mạnh mẽ đến (một hoặc số đông người) thường bằng hành động hò reo, hươ tay hoặc bằng các phương tiện gây náo động, rầm rộ, nhằm làm cho thấy nức lòng, thêm hăng hái mà hoạt động tích cực, mạnh mẽ hơn, thường để giành chiến thắng trong thi đấu; hoặc nâng cao hơn nữa trạng thái tâm lý - tinh thần tích cực nào đó được nói đến, ví dụ: “Người hâm mộ hò reo, gõ trống CỎ VŨ cho đội tuyển bóng đá Việt Nam trong trận chung kết”; “Mặc dù đã được cô giáo CỎ VŨ hết mình nhưng các trò vẫn kéo co thua”; “Cha mẹ đến CỎ VŨ cho các con trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia”; “Chiến thắng trên các mặt trận có sức CỎ VŨ hậu phương rất lớn lao”; “Cũng như mọi nơi khác, ở đây việc thi đua yêu nước CỎ VŨ lòng hăng hái của mọi người” (Hồ Chí Minh); “CỎ VŨ tinh thần chiến đấu”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (tái bản) (2013), *Hán Việt từ điển giản yếu*, Nxb Văn hóa - Thông tin, H.,.
2. Hoàng Phê, Hoàng Văn Hành, Đào Thân (2002), *Sổ tay dùng từ tiếng Việt*, Nxb KHXH, H.,.
3. Hoàng Phê (chủ biên) (2010), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Từ điển Bách khoa, H., (tái bản).